



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 21/10/2024

- 25/10/2024

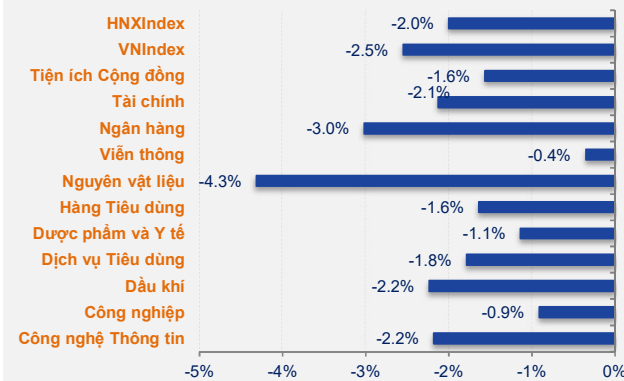
## DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,252.72	↓ -2.5%	224.63	↓ -2.0%
KLGD (trCP)	2,987.57	↓ -5.8%	218.26	↓ -13.3%
GTGD (tỷ VND)	77,056.28	↓ -2.5%	4,200.90	↓ -10.0%
Tổng cung (trCP)	9,421.64	↓ -8.0%	389.85	↓ -4.5%
Tổng cầu (trCP)	12,719.23	↓ -3.6%	332.20	↓ -2.6%

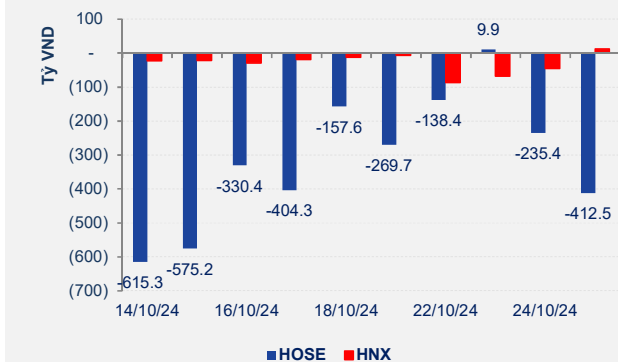
## Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	187.57	↑ 4.9%	5.54	↓ -8.9%
KL bán (trCP)	223.15	↓ -10.4%	14.89	↑ 43.1%
GT mua (tỷ VND)	6,188.11	↑ 9.4%	118.07	↓ -25.8%
GT bán (tỷ VND)	7,234.19	↓ -6.5%	311.63	↑ 18.6%

## Biến động giá Ngành theo Tuần



## Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



## Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX sau khi không giữ được xu hướng tăng ngắn hạn, đã có tuần giao dịch tiêu cực. Đầu tuần VN-INDEX phục hồi lên vùng 1.290 điểm, sau đó chịu áp lực điều chỉnh mạnh kéo dài trong 05 phiên liên tiếp. Kết tuần VN-INDEX giảm -2,55% về mức 1.252,72 điểm. Độ rộng HOSE nghiêng về tiêu cực với hầu hết các nhóm ngành chịu áp lực điều chỉnh, ngoại trừ khá tích cực ở nhóm bất động sản.

Thanh khoản giảm nhẹ so với tuần giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh -3,01% tại HOSE. Khối ngoại tuần này tiếp tục đà bán ròng với -1.046,08 tỷ đồng tập trung tại mã HPG (-301,74 tỷ), MSN (-188,33 tỷ), STB (-160,42 tỷ), DGC (-143 tỷ)...ở chiều ngược lại, mua ròng VPB (+350,32 tỷ), MWG (+211,81 tỷ)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2411 giảm -38,70 điểm (-2,83%), đóng cửa tại 1.327,20 điểm. Chênh lệch +1,66 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2412 VN30F2503 VN30F2506 chênh lệch từ +2,16 điểm đến +4,46 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -0,48% so với tuần trước, và vẫn tương đương mức trung bình 20 phiên. Trong tuần này, VN30F2411 đã mất vùng hỗ trợ 1.340 điểm, kỳ vọng trong tuần sau sẽ phục hồi để kiểm định lại chính hỗ trợ này lần nữa. Khối lượng mở OI hôm nay là 58.103 tăng so với tuần gần nhất là 41.329 cho thấy xu hướng gia tăng các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá quanh 1.245 điểm - 1.255 điểm, vùng giá cao nhất năm 2023, kháng cự gần nhất quanh 1.270 điểm. Xu hướng trung hạn VN-INDEX tăng trưởng trên vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, hướng đến vùng giá 1.300 điểm. Trong đó vùng giá 1.300 điểm, vùng kháng cự rất mạnh tương vùng vùng giá cao nhất đầu từ đầu năm 2024 và đỉnh giá tháng 06-08/2022. Thị trường chỉ có thể vượt qua các vùng kháng cự này khi có các yếu tố hỗ trợ vĩ mô tốt, kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội. Đồng thời các yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị như cuộc chiến Nga - Ukraine, Trung Đông hạ nhiệt.

Trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị không mua đuổi trong nhiều bản tin trước. Xu hướng ngắn hạn đang điều chỉnh, tích lũy, có thể quá trình tích lũy sẽ còn kéo dài khi thị trường vào khoảng trống thông tin sau kỳ báo cáo kết quả kinh doanh quý III/2024, cũng như thông tin bất định về bầu cử Mỹ sắp đến. Chúng tôi cho rằng vùng giá hợp lý của VN-INDEX trong vùng giá 1.250 điểm - 1.260 điểm, tương ứng với vốn hóa toàn thị trường khoảng 290 tỷ USD. Nhà đầu tư hạn chế bán thêm ở vùng giá này, duy trì tỉ trọng hợp lý, các vị thế giải ngân cần cẩn trọng chọn lọc các mã chất lượng tốt. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã cổ phiếu đầu ngành, nền tảng cơ bản tốt, sau khi đánh giá kết quả kinh doanh quý III.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

21/10/2024

-

25/10/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
VLB	39.93	36-37	42-44	34	8.8	44.0%	147.6%	Theo dõi giải ngân
SIP	70.10	68-70	76-78	66	13.6	16.2%	16.3%	Theo dõi giải ngân
LHG	35.45	32-34	39-40	30	8.8	34.4%	31.6%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.55	38-39	44-45	36	13.2	21.8%	19.3%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.15	16.8	26-28	15.5	-9.8%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	34.05	33.2	40-41	35	2.6%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	11.90	12.8	14.4-14.8	13	-7.0%	Nắm giữ
8/8/2024	BSR	21.39	21.9	27-28	22	-2.3%	Nắm giữ

**TIN NỔI BẬT**
**QNS - LNST tăng 14% so với cùng kỳ**

Đường Quảng Ngãi ghi nhận hơn 8.000 tỷ đồng doanh thu thuần (+4% YoY) đạt gần 90% kế hoạch năm. Lãi ròng 1.755 tỷ đồng, tăng 14% YoY và vượt 31% mục tiêu lợi nhuận năm. Doanh thu bán đường đạt hơn 3.225 tỷ đồng, chiếm 40% tổng doanh thu, tăng nhẹ 3% YoY; biên lãi gộp cải thiện lên mức 32,3% (cùng kỳ chỉ 27,6%). Dầu vậy, sửa đạu nành mới là mằg sinh lời tốt nhất, với tỷ suất lãi gộp 38,6%, giảm so với mức 40,6% cùng kỳ, do giá đầu vào tăng cao.

**Một chính sách quan trọng sắp được triển khai trên thị trường chứng khoán Việt Nam, mở rộng cánh cửa đón "sóng" đầu tư nước ngoài**

“Hội nghị được tổ chức với mục tiêu để giới thiệu các điểm mới được quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC và quan trọng hơn là để cơ quan quản lý, vận hành cùng trao đổi, thảo luận với các thành viên thị trường về công tác chuẩn bị, triển khai áp dụng nhằm nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong triển khai thi hành Thông tư trong thực tế”, Phó Chủ tịch UBCKNN Bùi Hoàng Hải nhấn mạnh.

Thông tư 68/2024/TT-BTC có một số điểm đáng chú ý gồm: (1) Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền (Non Pre-funding solution – NPS) và (2) Lộ trình công bố thông tin bằng tiếng Anh. Đây được giới chuyên gia đánh giá là một bước tiến gần hơn để thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng các yêu cầu nâng hạng lên thị trường mới nổi.

**Bão Yagi tàn phá nhóm doanh nghiệp than ở Quảng Ninh ngoài sức tưởng tượng**

CTCP Than Núi Béo - Vinacomin (HNX: NBC) Công ty cho biết trong quý 2 và 3 thời tiết bất lợi, mưa lớn dài ngày, đặc biệt trong tháng 9 Công ty chịu thiệt hại rất lớn từ cơn bão số 3 dẫn đến phải dừng sản xuất dài ngày. Chất lượng than sản xuất giảm, công tác tiêu thụ than của Công ty giảm làm kết quả sản xuất kinh doanh giảm.

CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin (HNX: TVD) Công ty cho biết do nơi tâm bão đi qua (khu vực Uông Bí) kèm theo mưa lớn (lượng mưa đo được gần 450ml) gây ra ảnh hưởng nặng nề đến khu vực sản xuất của Công ty; mưa lớn kèm theo dông bão làm mất điện lưới gây ngập các đường lò mức -50 khu Cánh gà, mức -10 và mức -175 khu vực Giếng Vàng Danh, dẫn đến các diện sản xuất của các đơn vị tại khu vực này bị ảnh hưởng không sản xuất được...

Để khắc phục xử lý sự cố, hậu quả do bão số 3 gây ra, CTCP Than Cao Sơn - TKV (UPCoM: CST) đã phát sinh khoản giá vốn hàng bán mưa bão gần 23 tỷ đồng, cùng kỳ không ghi nhận.

CTCP Than Hà Tu - Vinacomin (HNX: THT) cho biết do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều, đặc biệt là cơn bão số 3 (siêu bão Yagi), gây bất lợi cho sản xuất của Công ty, sản lượng tiêu thụ quý 3 gần 260 ngàn tấn, giảm tới 67% so với cùng kỳ, khiến doanh thu giảm tới 60% về 507 tỷ đồng, ảnh hưởng kết quả lợi nhuận.

CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin (HNX: HLC) Công ty phân trần đầu tháng 9 bị ảnh hưởng trực tiếp bão số 3 làm hư hỏng một số công trình ngoại mặt bằng và hệ thống đường điện, mất điện lưới 9 ngày dẫn đến phải dừng sản xuất 7 ngày để khắc phục hậu quả cơn bão để lại.

**Con gái Chủ tịch Nguyễn Đăng Quang muốn mua 10 triệu cp MSN**

Bà Nguyễn Yến Linh, con gái ông Nguyễn Đăng Quang - Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Masan (HOSE: MSN), thông báo muốn mua 10 triệu MSN trong giai đoạn 29/10 - 18/11/2024. Như vậy, phần sở hữu của gia đình Chủ tịch tại MSN có thể được nâng từ gần 50.9 triệu cp lên gần 60.9 triệu cp, tương ứng tỷ lệ 4.02% vốn, trong trường hợp giao dịch của bà Linh diễn ra đúng kế hoạch.

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	17,256,300	HPG	(11,347,490)
2	TCB	6,390,013	VRE	(7,003,450)
3	PDR	3,586,800	FUEVFNVD	(6,376,152)
4	DXG	3,276,150	STB	(4,480,777)
5	MWG	3,222,578	MSB	(4,367,240)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	1,863,485	SHS	(8,930,800)
2	DL1	370,000	PVS	(1,016,200)
3	PVI	145,500	IDC	(865,300)
4	C69	84,900	LAS	(343,200)
5	DTD	70,100	TNG	(306,568)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VHM	45.25	43.85 ↓	-3.09%	129,491,276
EIB	19.45	20.85 ↑	7.20%	110,805,400
DXG	16.05	16.60 ↑	3.43%	108,731,100
TPB	17.80	17.05 ↓	-4.21%	103,490,161
VPB	20.55	20.10 ↓	-2.19%	101,320,208

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.30	14.20 ↓	-7.19%	47,483,598
CEO	15.10	15.40 ↑	1.99%	27,669,536
MBS	29.80	28.40 ↓	-4.70%	9,423,836
PVS	39.00	37.80 ↓	-3.08%	7,735,065
TIG	13.20	13.00 ↓	-1.52%	6,300,105

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHP	9.65	11.60	2.0	↑ 20.21%
CIG	5.58	6.46	0.9	↑ 15.77%
DTL	12.00	13.80	1.8	↑ 15.00%
QCG	9.85	10.90	1.1	↑ 10.66%
OGC	3.74	4.06	0.3	↑ 8.56%

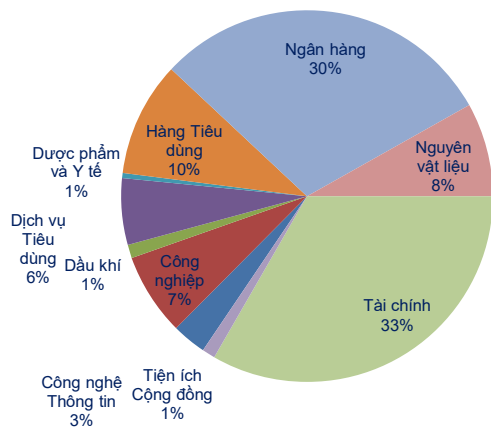
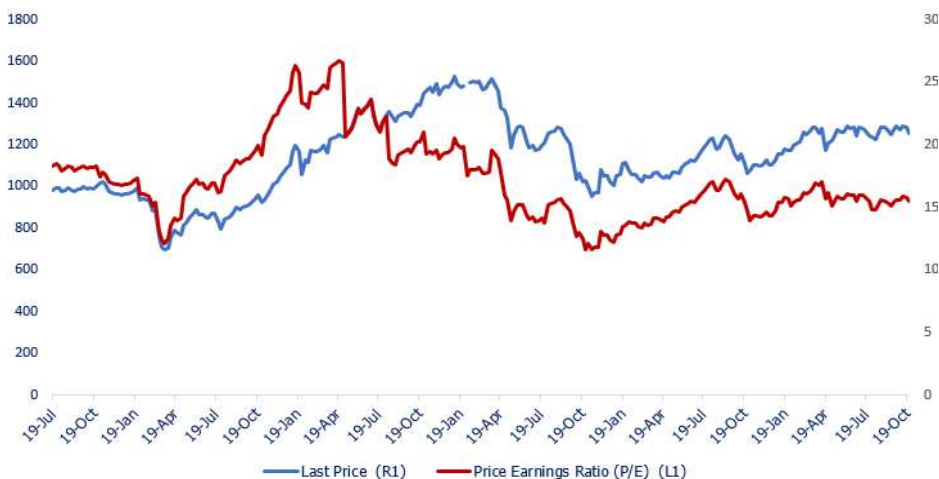
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BKC	6.40	9.30	2.9	↑ 45.31%
HCT	7.20	9.40	2.2	↑ 30.56%
PGT	4.00	5.20	1.2	↑ 30.00%
KKC	5.30	6.50	1.2	↑ 22.64%
PHN	70.00	84.70	14.7	↑ 21.00%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDG	5.07	4.00	-1.1	↓ -21.10%
PSH	3.90	3.23	-0.7	↓ -17.18%
GMD	71.80	62.70	-9.1	↓ -12.67%
RDP	2.15	1.89	-0.3	↓ -12.09%
HCD	9.86	8.69	-1.2	↓ -11.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCO	13.00	11.00	-2.0	↓ -15.38%
SCI	10.00	8.50	-1.5	↓ -15.00%
PGN	7.80	6.70	-1.1	↓ -14.10%
SPI	3.80	3.30	-0.5	↓ -13.16%
HTC	22.40	20.20	-2.2	↓ -9.82%

(\*) Giá điều chỉnh

**THÔNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**
**Giá trị giao dịch tuần theo Ngành**

**P/E và Thị Trường**

**Top KLGD lớn nhất HOSE**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	129,491,276	12.2%	5,350	8.2	0.9
EIB	110,805,400	9.8%	1,190	17.5	1.6
DXG	108,731,100	1.2%	272	60.9	0.8
TPB	103,490,161	14.1%	1,789	9.5	1.1
VPB	101,320,208	8.7%	1,530	13.1	1.2

**Top KLGD lớn nhất HNX**

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	47,483,598	5.7%	688	20.6	1.0
CEO	27,669,536	2.6%	309	49.9	1.3
MBS	9,423,836	13.8%	1,709	16.6	2.5
PVS	7,735,065	6.8%	1,932	19.6	1.3
TIG	6,300,105	10.3%	1,387	9.4	0.9

**Top Đột biến giá HOSE**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KHP	↑ 20.2%	28.4%	3,382	3.4	0.9
CIG	↑ 15.8%	2.0%	99	65.0	1.3
DTL	↑ 15.0%	-3.6%	-452	-	1.1
QCG	↑ 10.7%	0.2%	39	278.7	0.7
OGC	↑ 8.6%	5.3%	261	15.6	0.8

**Top Đột biến giá HNX**

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BKC	↑ 45.3%	13.0%	2,115	4.4	0.5
HCT	↑ 30.6%	-4.7%	-883	-	0.5
PGT	↑ 30.0%	11.2%	420	12.4	1.4
KKC	↑ 22.6%	8.3%	655	9.9	0.8
PHN	↑ 21.0%	39.9%	8,489	10.0	3.9

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	17,256,300	8.7%	1,530	13.1	1.2
TCB	6,390,013	16.4%	3,207	7.3	1.1
PDR	3,586,800	4.2%	566	38.2	1.7
DXG	3,276,150	1.2%	272	60.9	0.8
MWG	3,222,578	8.9%	1,507	43.5	3.6

**Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX**

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	1,863,485	2.6%	309	49.9	1.3
DL1	370,000	3.6%	475	13.0	0.5
PVI	145,500	0.5%	161	295.1	1.4
C69	84,900	2.0%	260	28.5	0.5
DTD	70,100	9.0%	1,961	12.5	1.0

**Top Vốn hóa HOSE**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	513,079	19.5%	5,962	15.4	2.8
BID	270,771	18.1%	4,006	11.9	2.0
FPT	197,123	23.1%	5,127	26.1	5.6
VHM	190,939	12.2%	5,350	8.2	0.9
CTG	185,802	15.7%	3,782	9.1	1.4

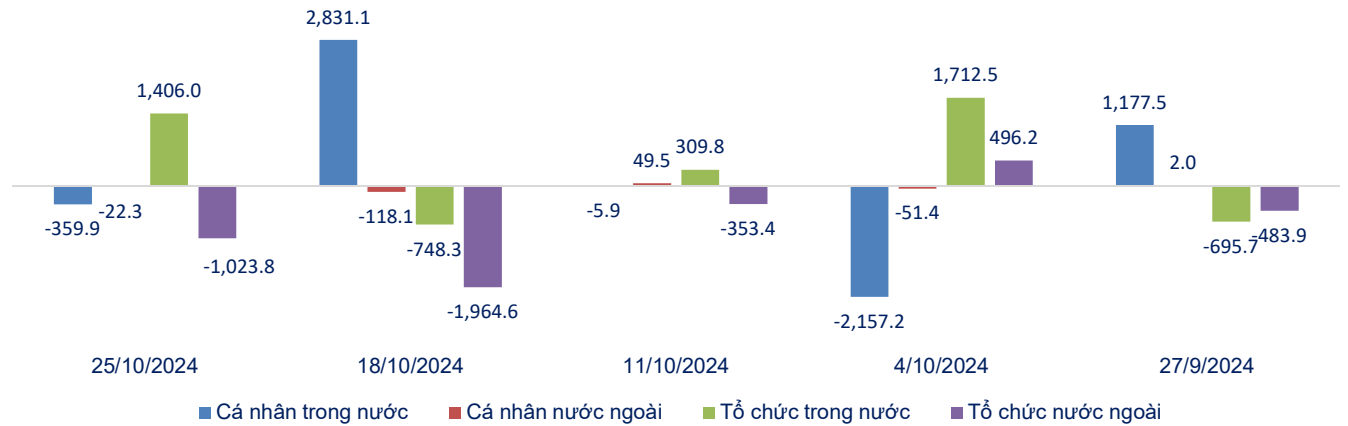
**Top Vốn hóa HNX**

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,067	6.8%	1,932	19.6	1.3
IDC	17,457	30.1%	5,573	9.5	2.8
MBS	15,536	13.8%	1,709	16.6	2.5
HUT	14,548	0.5%	70	232.5	1.2
THD	13,475	3.1%	419	83.5	3.1



## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	433.18	20.5%	2,597	7.0	1.2
DGC	251.91	22.7%	7,791	14.0	2.9
HPG	239.88	10.7%	1,746	15.1	1.6
MSN	202.03	3.3%	926	83.4	2.7
VCI	183.94	9.9%	1,427	24.2	2.3

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E
VHM	-1,860.85	12.2%	5,350	8.2
MWG	-260.68	8.9%	1,507	43.5
VPB	-208.73	8.7%	1,530	13.1
TCB	-172.95	16.4%	3,207	7.3
VNM	-165.94	27.0%	4,636	14.7

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	14.13	1.2%	272	60.9	0.8
VNM	8.41	27.0%	4,636	14.7	3.7
KBC	4.48	1.2%	312	83.1	1.0
VPB	4.28	8.7%	1,530	13.1	1.2
HSG	3.10	10.3%	1,844	11.0	1.1

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E
TPB	-15.10	14.1%	1,789	9.5
DGC	-7.55	22.7%	7,791	14.0
MWG	-7.42	8.9%	1,507	43.5
SSI	-7.29	12.0%	1,563	17.1
FPT	-5.81	23.1%	5,127	26.1

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	1,897.67	12.2%	5,350	8.2	0.9
FUEVFVND	201.30	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	84.92	15.7%	3,782	9.1	1.4
STB	73.52	17.6%	4,340	7.7	1.3
FCN	65.46	-0.9%	(189)	-	0.6

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E
VIB	-432.09	20.5%	2,597	7.0
CTR	-172.44	27.7%	4,590	27.6
FPT	-158.34	23.1%	5,127	26.1
VPB	-141.59	8.7%	1,530	13.1
DGC	-108.83	22.7%	7,791	14.0

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	346.04	8.7%	1,530	13.1	1.2
MWG	219.23	8.9%	1,507	43.5	3.6
TCB	157.85	16.4%	3,207	7.3	1.1
VNM	125.77	27.0%	4,636	14.7	3.7
CTD	125.27	3.7%	3,111	21.7	0.8

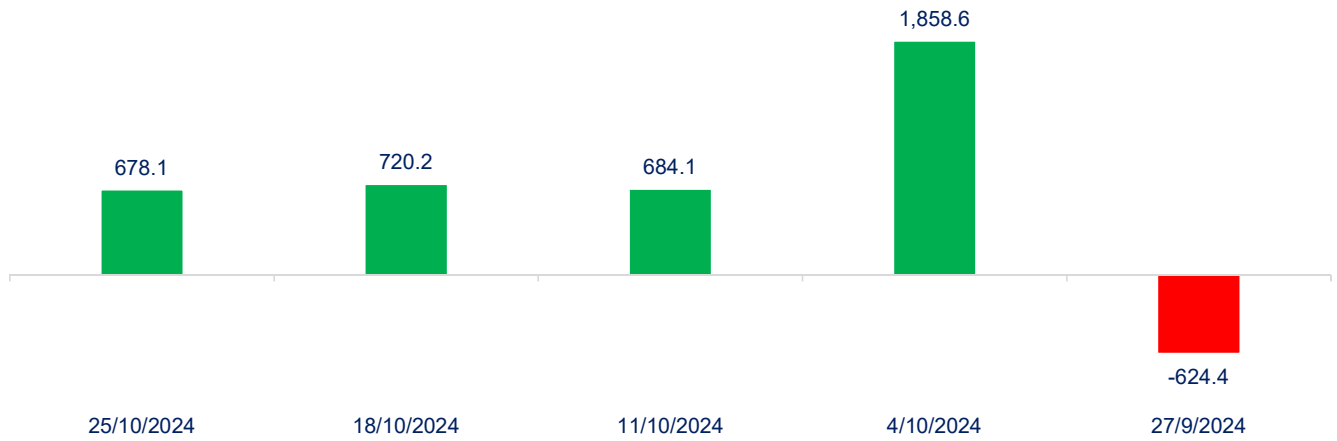
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E
HPG	-297.74	10.7%	1,746	15.1
FUEVFVND	-210.75	N/A	N/A	N/A
MSN	-189.95	3.3%	926	83.4
STB	-156.55	17.6%	4,340	7.7
DGC	-135.54	22.7%	7,791	14.0

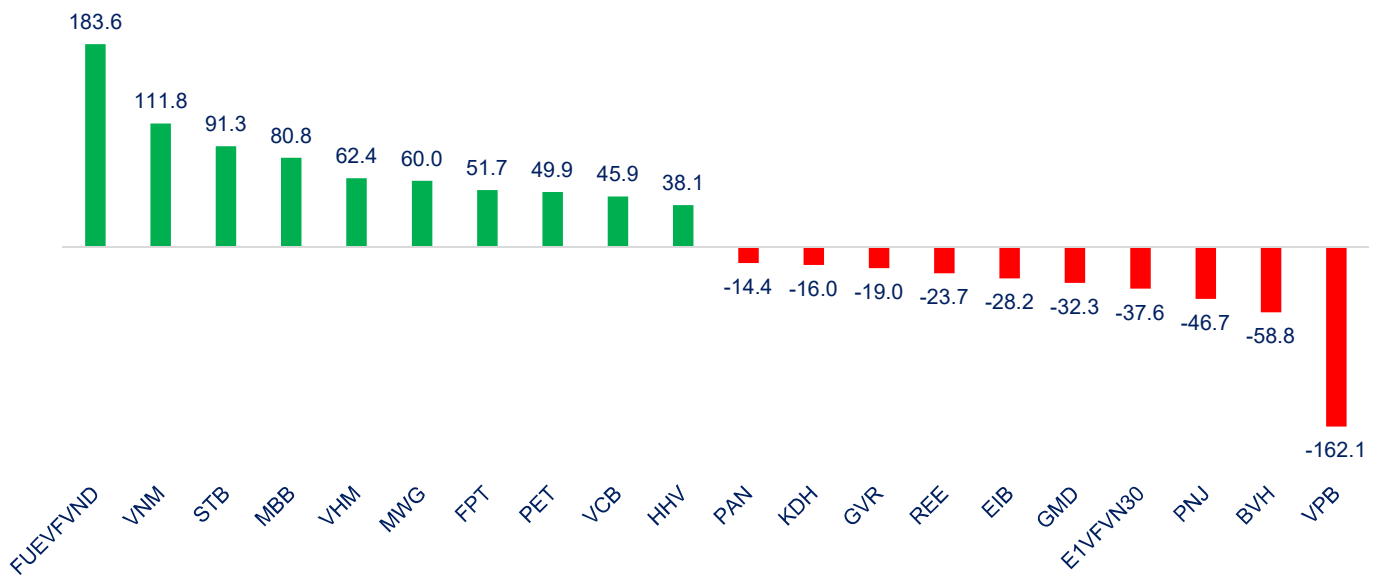


GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
12/9/2024	25/10/2024	26/9/2024	25/9/2024	TOT	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11/9/2024	25/10/2024	24/9/2024	23/9/2024	BRC	Đại hội Cổ đông Bất thường
17/9/2024	25/10/2024	26/9/2024	25/9/2024	VPR	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
10/9/2024	25/10/2024	23/9/2024	20/9/2024	NBP	Đại hội Cổ đông Bất thường
25/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	DVC	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
25/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	PVL	Giao dịch nội bộ
25/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	TRT	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
25/9/2024	25/10/2024	14/10/2024	11/10/2024	SHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	VDP	Giao dịch nội bộ
24/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	DHC	Giao dịch nội bộ
24/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	SPV	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
23/9/2024	25/10/2024	15/10/2024	14/10/2024	ICI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	AGM	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
23/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	CC1	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
20/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	NLG	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
19/9/2024	25/10/2024	26/9/2024	25/9/2024	MVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/9/2024	25/10/2024	2/10/2024	1/10/2024	DNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/9/2024	25/10/2024	30/9/2024	27/9/2024	HC1	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2024	25/10/2024	25/9/2024	24/9/2024	VPD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/9/2024	25/10/2024	1/10/2024	30/9/2024	SEA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	XMP	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
26/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	MED	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
26/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	MED	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
26/9/2024	25/10/2024	25/10/2024	25/10/2024	CAP	Giao dịch nội bộ





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy  
[duy.vt@shs.com.vn](mailto:duy.vt@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngõ Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235  
Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)